

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt hỗ trợ kinh phí thực hiện Chương trình Mỗi xã một sản phẩm (OCOP) năm 2021 tỉnh Thanh Hóa

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Quyết định số 5399/QĐ-UBND ngày 19/12/2020 của UBND tỉnh về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương năm 2021 tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 22/2020/QĐ-UBND ngày 26/5/2020 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định các biện pháp triển khai thực hiện Nghị quyết số 237/2019/NQ-HĐND ngày 12/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh;

Căn cứ Công văn số 1836/BNN-VPDP ngày 31/3/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc tiếp tục hoạt động của hệ thống Văn phòng Điều phối NTM các cấp năm 2021;

Căn cứ Kế hoạch số 75/KH-UBND ngày 30/03/2021 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc thực hiện Chương trình Mỗi xã một sản phẩm (OCOP) năm 2021, tỉnh Thanh Hóa;

Xét đề nghị của Văn phòng Điều phối xây dựng nông thôn mới tỉnh tại Công văn số 339/VPĐP-OCOP ngày 14/6/2021 về việc xin chủ trương lập dự trù kinh phí thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) năm 2021;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Công văn số 4826/STC-QLNSHX ngày 11/8/2021 về việc đề nghị phê duyệt Hỗ trợ kinh phí thực hiện Chương trình Mỗi xã một sản phẩm (OCOP) năm 2021 tỉnh Thanh Hóa.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt hỗ trợ kinh phí thực hiện Chương trình Mỗi xã một sản phẩm (OCOP) năm 2021, tỉnh Thanh Hóa, cụ thể như sau:

1. Tổng kinh phí hỗ trợ: 1.079.470 nghìn đồng

(Một tỷ, không trăm bảy mươi chín triệu bốn trăm bảy mươi nghìn đồng)

Trong đó:

- Kinh phí tuyên truyền: 241.000 nghìn đồng;
- Kinh phí tư vấn chương trình: 232.500 nghìn đồng;

- Kinh phí triển khai Chu trình thường niên: 244.000 nghìn đồng;
- Kinh phí xúc tiến thương mại : 293.270 nghìn đồng;
- Kinh phí chỉ đạo, quản lý, điều hành Chương trình: 68.700 nghìn đồng;

(Chi tiết phụ biểu kèm theo)

Đối với kinh phí chỉ đạo, quản lý điều hành Chương trình, yêu cầu Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh chủ động lồng ghép sử dụng nguồn kinh phí đã được giao cho đơn vị tại Quyết định số 5399/QĐ-UBND ngày 19/12/2020; Quyết định số 1621/UBND ngày 19/05/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa; tăng cường quản lý, chi tiêu đảm bảo tiết kiệm, chặt chẽ và hiệu quả theo đúng chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại Công văn số 8902/UBND-KTTC ngày 23/6/2021.

2. Nguồn kinh phí: Từ nguồn vốn sự nghiệp kinh tế (SN kinh tế khác) trong dự toán năm 2021.

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

- Sở Tài chính thông báo bổ sung kinh phí cho Văn phòng Điều phối NTM tỉnh để thực hiện các nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của nhà nước;

- Căn cứ nội dung và kinh phí được giao: Sở Tài chính, Kho bạc nhà nước tỉnh Thanh Hóa, Văn phòng Điều phối Nông thôn mới tỉnh và các ngành, đơn vị có liên quan, căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao thực hiện theo đúng mục tiêu được phê duyệt và đúng quy định của pháp luật, chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh về các quyết định của mình.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Chánh Văn phòng Điều phối xây dựng nông thôn mới tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và PTNT, Kế hoạch và Đầu tư; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa và Thủ trưởng các ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Đức Giang

**DỰ TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỖI XÃ MỘT SẢN PHẨM (OCOP)
TỈNH THANH HÓA NĂM 2021**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)

ĐVT: Nghìn đồng

TT	Nội dung	Đơn vị đề nghị	Kinh phí hỗ trợ	Ghi chú
1	Tuyên truyền	247.000	241.000	Biểu 1
2	Tư vấn triển khai Chương trình	353.400	232.500	Biểu 2
3	Triển khai Chu trình thường niên	244.000	244.000	Biểu 3
4	Xúc tiến thương mại	305.200	293.270	Biểu 4
5	Chỉ đạo, quản lý, điều hành Chương trình	350.400	68.700	Biểu 5
Tổng cộng:		1.500.000	1.079.470	

BIỂU 1: DỰ TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN TUYÊN TRUYỀN

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)

ĐVT: Nghìn đồng

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Đơn vị đề nghị	Kinh phí hỗ trợ			Ghi chú
					Đơn giá	Cơ sở tính	Thành tiền	
	Tuyên truyền trên các phương tiện truyền thông Trung ương và địa phương			247.000			241.000	
1	Tuyên truyền trên Đài Phát thanh và Truyền hình Thanh Hóa, Đài Truyền hình TW	Chuyên mục	12	120.000	10.000	Trọn gói	120.000	
2	Xây dựng chuyên mục truyền truyền trên các Báo. Bài viết, kèm theo 1-2 ảnh; mỗi tháng 01 bài viết + hình ảnh và các tin, ảnh liên quan khác	Chuyên mục	06	60.000	10.000	Trọn gói	60.000	
3	Xây dựng tin bài, hình ảnh, cập nhật nội dung thông tin, quản trị trang Web OCOP	Tháng	6	12.000	1.000	6 tháng x 1.000 nghìn đồng/tháng	6.000	
4	Chi phí nâng cấp, thuê Webhost trang web Chương trình xây dựng NTM tinhthanhhoa.com.vn	Bộ	01	25.000	25.000	Trọn gói	25.000	
5	Clip sản phẩm NTM và sản phẩm OCOP phục vụ hội nghị sơ kết 6 tháng đầu năm Ban chỉ đạo các Chương trình MTQG tỉnh Thanh Hóa.	Bộ	01	30.000	30.000	Trọn gói	30.000	

BIỂU 2: DỰ TOÁN KINH PHÍ TƯ VẤN CHƯƠNG TRÌNH*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)*

ĐVT: Nghìn đồng

TT	Nội dung hoạt động	ĐVT	Số lượng ngày	Số lượng người	Đơn vị đề nghị	Kinh phí hỗ trợ			Ghi chú
						Đơn giá	Cơ sở tính	Thành tiền	
	Tổng cộng				353.400			232.500	
	Tư vấn, hướng dẫn các chủ thể tham gia chương trình OCOP hoàn thiện và nâng cấp các sản phẩm tham gia đánh giá, xếp hạng OCOP cấp tỉnh.				353.400			232.500	
1	Tư vấn hoàn thiện phiếu đăng ký, phương án kinh doanh, cơ cấu tổ chức, bộ máy... đạt chuẩn dự thi các cấp cho 31 sản phẩm, thời gian thực hiện 02 ngày/sản phẩm.				353.400			232.500	Các doanh nghiệp có bộ hồ sơ hoàn chỉnh để đề nghị đánh giá, xếp hạng sản phẩm OCOP.
-	Tiền lương chuyên gia mức 1	ngày	62	1	167.400	1	1.800	111.600	Thông tư 02/2015/TT-BLĐTBXH
-	Tiền lương chuyên gia mức 3	ngày	62	1	83.700	1	900	55.800	

TT	Nội dung hoạt động	ĐVT	Số lượng ngày	Số lượng người	Đơn vị đề nghị	Kinh phí hỗ trợ			Ghi chú
						Đơn giá	Cơ sở tính	Thành tiền	
-	Chi phí đi lại	lượt	31	1	46.500	1	1.500	46.500	Chi theo giá thực tế
-	Chi phí thuê phòng nghỉ	Đêm	31	2	55.800	2	300	18.600	NQ 64/2017/NQ-HĐND

BIỂU 3: DỰ TOÁN KINH PHÍ TRIỂN KHAI CHU TRÌNH OCOP THƯỜNG NIÊN
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)

ĐVT: Nghìn đồng

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Đơn vị đề nghị	Kinh phí hỗ trợ			Ghi chú
					Đơn giá	Cơ sở tính	Thành tiền	
	Tổng cộng			244.000			244.000	Dự toán tạm tính bình quân. Thanh, quyết toán theo khối lượng, định mức thực tế.
I	Chi phí công tác đánh giá và phân hạng sản phẩm cấp tỉnh			244.000			244.000	
1	Chi phí cho hội đồng thẩm định và tổ giúp việc nghiên cứu, đánh giá hồ sơ sản phẩm của các chủ thể.			161.000			161.000	
-	Chi phí cho hội đồng thẩm định, đại biểu mời nghiên cứu, đánh giá hồ sơ sản phẩm của các chủ thể (11 người x 70 hồ sơ sản phẩm).	Hồ sơ	70	77.000	100	11 người x 70 hồ sơ x 100 nghìn đồng	77.000	
-	Chi phí cho tổ giúp việc nghiên cứu, đánh giá hồ sơ sản phẩm của các chủ thể (12 người x 70 hồ sơ sản phẩm).	Hồ sơ	70	84.000	100	12 người x 70 hồ sơ x 100 nghìn đồng	84.000	
2	Chi phí tổ chức hội nghị		4	48.000			48.000	
*	Chi phí tổ chức 01 hội nghị		01	12.000			12.000	

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Đơn vị đề nghị	Kinh phí hỗ trợ			Ghi chú
					Đơn giá	Cơ sở tính	Thành tiền	
-	Tài liệu, văn phòng phẩm	Bộ	100	5.000	50		5.000	NQ 64/2017/NQ-HĐND
-	Tiền nước uống	Người	100	4.000	40		4.000	
-	Trang trí hội trường hội nghị	Hội nghị	01	2.000	2.000		2.000	
-	Dụng cụ thử sản phẩm	Bộ	01	1.000	1.000		1.000	
3	Chi phí in ấn, làm khung , kính giấy chứng nhận	Sản phẩm	70	35.000	500		35.000	TT 08/2019/TT-BTC

BIỂU 4: DỰ TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI VÀ QUẢNG BÁ SẢN PHẨM

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)

ĐVT: Nghìn đồng

TT	Nội dung hoạt động	ĐVT	Số lượng	Đơn vị đề nghị	Kinh phí hỗ trợ			Ghi chú
					Đơn giá	Cơ sở tính	Thành tiền	
	Tổng cộng:			305.200			293.270	Dự toán tạm tính bình quân. Thanh, quyết toán theo khối lượng, định mức thực tế.
I	Tham gia trưng bày và giới thiệu sản phẩm OCOP theo thư mời của các tổ chức, đơn vị Siêu thị Coopmart.	Lần	1	96.000			96.000	
	Kinh phí hỗ chợ thực hiện trưng bày, giới thiệu, bán sản phẩm OCOP của tỉnh Thanh Hóa.			96.000			96.000	
-	Thuê dựng gian hàng; trang trí gian hàng: Làm maket treo phía trên và các cột gian hàng (ma kết in tên, các câu khẩu hiệu, hình ảnh), làm bằng khung, bạt, in hifi. Kích thước maket; maket ốp (12 gian, 10 ngày).	Gian	12	84.000	7.000	12 gian x 7.000 nghìn đồng/gian	84.000	
-	Thuê kê, giá phục vụ trưng bày sản phẩm (02 bộ x 12 gian)	Bộ	24	12.000	500	24 bộ x 500 nghìn đồng/bộ	12.000	
II	Tham gia trưng bày, giới thiệu sản phẩm OCOP tại các Hội nghị, hội thảo, hội chợ (Hội nghị tổng kết Chương trình OCOP tại Hà Nội)			67.980			56.050	

TT	Nội dung hoạt động	ĐVT	Số lượng	Đơn vị đề nghị	Kinh phí hỗ trợ			Ghi chú
					Đơn giá	Cơ sở tính	Thành tiền	
1	Kinh phí chi cho cán bộ đi các địa phương thu thập sản phẩm và mua thêm một số sản phẩm tham gia trưng bày Hội chợ			17.200			17.200	
-	Công tác phí cho cán bộ đi thu gom và trả sản phẩm, hàng hóa (03 người x 2 ngày)	Người	6	1.200	200	03 người x 2 ngày x 200 nghìn đồng	1.200	<i>NQ 64/2017/NQ-HĐND</i>
-	Thuê xe ô tô chở cán bộ đi thu gom và trả sản phẩm, hàng hóa tại các địa phương	Chuyến	02	6.000	3.000	02 chuyến x 3.000 nghìn đồng	6.000	<i>Theo thực tế</i>
-	Mua một số sản phẩm ăn liền của tỉnh trưng bày, chào mời khách ăn thử và kinh phí hỗ trợ một số sản phẩm sau khi kết thúc hội chợ đã hết thời hạn sử dụng hoặc hỏng vỡ trong khi vận chuyển.	Hội chợ	01	10.000	10.000	01 hội chợ x 10.000 nghìn đồng	10.000	<i>Theo thực tế</i>
2	Kinh phí thuê gian hàng, trang trí, kệ trưng bày sản phẩm, thuê xe vận chuyển sản phẩm hàng hóa và các điều kiện tại hội chợ			12.000			12.000	
-	Thuê xe ô tô tải vận chuyển, bốc xếp hàng hóa từ Thanh Hóa đến nơi tổ chức hội chợ và ngược lại	Chuyến	2	10.000	5.000	02 chuyến x 5.000 nghìn đồng	10.000	

TT	Nội dung hoạt động	ĐVT	Số lượng	Đơn vị đề nghị	Kinh phí hỗ trợ			Ghi chú
					Đơn giá	Cơ sở tính	Thành tiền	
-	Chi khác: (Khay, đĩa, lãng, hoa tươi, bạt che gian hàng, khăn trải bàn và dụng cụ phục vụ trang trí và trưng bày, giới thiệu sản phẩm	Hội chợ	01	2.000	2.000	01 hội chợ x 2.000 nghìn đồng	2.000	
3	Kinh phí phục vụ lãnh đạo và đoàn công tác tham dự khai mạc Hội chợ, dự Hội thảo về Chương trình OCOP và thương mại tại hội chợ (Đi ô tô, 08 người cả lái xe, thời gian tham dự 2 ngày 1 đêm).			17.140		-	10.250	
-	Công tác phí:							
+	Xăng xe ô tô (cả đi và về 400 km 02 chuyến)	Lít/km	200	4.200			4.200	Theo thực tế
+	Phụ cấp lưu trú (08 người x 2 ngày)	Ngày	16	3.200	200	08 người x 2 ngày x 200 nghìn đồng	3.200	NQ 64/2017/NQ-HĐND
+	Thuê phòng nghỉ (07 người x 1 đêm)	Đêm	1	3.500	450	07 người x 1 đêm x 450 nghìn đồng	450	NQ 64/2017/NQ-HĐND
+	Thuê phòng nghỉ tiêu chuẩn lãnh đạo (01 người)	Đêm	01	1.200	1.200	01 người x 01 đêm x 1.200 nghìn đồng	1.200	Theo thực tế

TT	Nội dung hoạt động	ĐVT	Số lượng	Đơn vị đề nghị	Kinh phí hỗ trợ			Ghi chú
					Đơn giá	Cơ sở tính	Thành tiền	
+	Hỗ trợ tiền ăn (08 người x 2 ngày)	Ngày	16	3.200	-		-	
+	Nước uống (08 người x 2 ngày)	Ngày	16	640	-		-	
-	Công tác khác (vé cầu, gửi xe, rửa xe...)	Lượt	04	1.200	300	04 lượt x 300	1.200	
4	Kinh phí chi cho cán bộ Văn phòng Điều phối trực tiếp đi tham gia trưng bày và giới thiệu sản phẩm tại Hội chợ (trực gian hàng, hỗ trợ tiền ăn, nghỉ). Số lượng 07 người, thời gian 3 ngày 2 đêm			21.640			16.600	
-	Công tác phí:							
+	Xăng dầu, tàu xe cho 07 cán bộ từ TP Thanh Hóa đi Hà Nội và ngược lại (kể cả đi lại 03 ngày trong TP. Hà Nội)	Lượt	14	4.200	300	14 lượt x 300 nghìn đồng	4.200	Theo thực tế
+	Phụ cấp lưu trú (3 ngày x 7 người)	Ngày	21	4.200	200	3 ngày x 7 người x 200 nghìn đồng	4.200	NQ 64/2017/NQ-HĐND

TT	Nội dung hoạt động	ĐVT	Số lượng	Đơn vị đề nghị	Kinh phí hỗ trợ			Ghi chú
					Đơn giá	Cơ sở tính	Thành tiền	
+	Thuê phòng nghỉ (2 đêm x 7 người)	Đêm	14	7.000	500	07 người x 2 đêm x 500 nghìn đồng	7.000	NQ 64/2017/NQ-HĐND
-	Hỗ trợ tiền ăn, sinh hoạt (3 ngày x 7 người)	Ngày	21	4.200	-	-	-	
-	Nước uống (3 ngày x 7 người)	Ngày	21	840	-	-	-	
-	Bồi dưỡng trực đêm ngoài giờ (4 người x 1 đêm)	Đêm	4	1.200	300	4 người x 1 đêm x 300 nghìn đồng	1.200	
III	KP thực hiện giới thiệu, Quảng bá sản phẩm OCOP tại TP Sầm Sơn			114.400			114.400	
1	Thuê dựng gian hàng; trang trí gian hàng: Làm maket, băng rôn treo phía trên và các cột gian hàng (ma kết in tên, các câu khẩu hiệu, hình ảnh), làm bằng khung, bạt, in hifi. Kích thước maket; maket ốp (12 gian, 10 ngày)	Gian	12	84.000	7.000	12 gian x 7.000 nghìn đồng	84.000	
2	Thuê kê, giá phục vụ trưng bày sản phẩm (02 bộ x 12 gian)	Bộ	24	12.000	500	24 bộ x 500 nghìn đồng	12.000	

TT	Nội dung hoạt động	ĐVT	Số lượng	Đơn vị đề nghị	Kinh phí hỗ trợ			Ghi chú
					Đơn giá	Cơ sở tính	Thành tiền	
3	Thuê loa đài, tivi tuyên truyền quảng bá các sản phẩm OCOP	Ngày	10	10.000	1.000	01 bộ x 1.000 nghìn đồng	10.000	
4	Chi phí cho cán bộ quản lý			7.200			7.200	
-	<i>Phụ cấp công tác phí (10 ngày x 03 người)</i>	<i>Ngày</i>	<i>30</i>	<i>6.000</i>	<i>200</i>	<i>10 ngày x 03 người x 200 nghìn đồng</i>	<i>6.000</i>	
-	<i>Hỗ trợ tiền xăng xe cho cán bộ quản lý (03 người x 02 chuyến)</i>	<i>Chuyến</i>	<i>6</i>	<i>1.200</i>	<i>200</i>	<i>03 người x 200 nghìn đồng x 02 chuyến</i>	<i>1.200</i>	
5	Chi phí công tác điều hành, chỉ đạo, khai mạc, bế mạc			1.200			1.200	
-	<i>Công tác phí cho lãnh đạo chỉ đạo (Khai mạc, bế mạc...)</i>	<i>Người</i>	<i>04</i>	<i>800</i>	<i>200</i>	<i>04 người x 2 ngày x 200 nghìn đồng</i>	<i>800</i>	
-	<i>Xăng xe (02 chuyến)</i>	<i>Chuyến</i>	<i>02</i>	<i>400</i>	<i>200</i>	<i>02 chuyến x 200 nghìn đồng</i>	<i>400</i>	
IV	Trung bày và giới thiệu sản phẩm OCOP tại các hội nghị, hội thảo trong tỉnh (Hội nghị sơ kết Ban chỉ đạo các Chương trình MTQG xây	Lần	01	26.820			26.820	

TT	Nội dung hoạt động	ĐVT	Số lượng	Đơn vị đề nghị	Kinh phí hỗ trợ			Ghi chú
					Đơn giá	Cơ sở tính	Thành tiền	
	dựng NTM)							
1	Kinh phí chi cho cán bộ đi các địa phương thu thập sản phẩm phục vụ trưng bày Hội nghị	Gian	03	9.600			9.600	
-	Công tác phí cho cán bộ đi thu gom và trả sản phẩm, hàng hóa (03 người x 3 ngày)	Ngày	3	1.800	200	03 người x 3 ngày x 200 nghìn đồng	1.800	<i>NQ 64/2017/NQ-HĐND</i>
-	Thuê xe ô tô chở cán bộ đi thu gom và trả sản phẩm, hàng hóa tại các địa phương	Chuyến	3	6.000	2.000	03 chuyến x 2.000 nghìn đồng	6.000	<i>Theo thực tế</i>
-	Thuê phòng ngủ cho cán bộ đi trả sản phẩm, hàng hóa tại các địa phương (03 người x 2 đêm)	Đêm	2	1.800	300	03 người x 2 đêm x 300 nghìn đồng	1.800	<i>NQ 64/2017/NQ-HĐND</i>
2	Kinh phí thuê trang trí, giá, kệ trưng bày sản phẩm, thuê xe vận chuyển sản phẩm hàng hóa và các điều kiện tại điểm trưng bày sản phẩm.			14.500			14.500	

TT	Nội dung hoạt động	ĐVT	Số lượng	Đơn vị đề nghị	Kinh phí hỗ trợ			Ghi chú
					Đơn giá	Cơ sở tính	Thành tiền	
-	Thuê kê, thuê giá phục vụ trưng bày sản phẩm	Bộ	03	1.500	500	03 bộ x 500 nghìn đồng	1.500	<i>Theo thực tế</i>
-	Trang trí gian hàng: Làm makét, băng rôn, khẩu hiệu hình cánh diều, lô gô, biển tên sản phẩm)	Gian	03	6.000	2.000	03 gian x 2.000 nghìn đồng	6.000	<i>Theo thực tế</i>
-	Thuê phương tiện, lao động vận chuyển sản phẩm hàng hóa, bốc xếp tới điểm trưng bày (02 chiều)	Chuyên	02	4.000	2.000	02 chuyến x 2.000 nghìn đồng	4.000	<i>Theo thực tế</i>
-	Chi khác: (Khay, đĩa, lẵng, hoa tươi, khăn trải bàn và dụng cụ phục vụ trang trí và trưng bày sản phẩm.....)	Gian	03	3.000	1.000	03 gian x 1.000 nghìn đồng	3.000	<i>Theo thực tế</i>
3	Kinh phí chi cho cán bộ Văn phòng Điều phối trực tiếp đi tham gia trưng bày và giới thiệu sản phẩm tại Hội nghị (trực gian hàng, hỗ trợ tiền ăn, nghỉ). Số lượng 04 người, thời gian 02 ngày.			2.720			2.720	
-	Phụ cấp lưu trú (4 người x 2 ngày)	Ngày	2	1.200	150	04 người x 02 ngày x 150 nghìn đồng	1.200	<i>NQ 64/2017/NQ-HĐND</i>

TT	Nội dung hoạt động	ĐVT	Số lượng	Đơn vị đề nghị	Kinh phí hỗ trợ			Ghi chú
					Đơn giá	Cơ sở tính	Thành tiền	
-	Nước uống (4 người x 2 ngày)	Ngày	2	320	40	04 người x 02 ngày x 40 nghìn đồng	320	<i>NQ 64/2017/NQ-HĐND</i>
-	Bồi dưỡng trực đêm ngoài giờ (4 người x 1 đêm)	Đêm	1	1.200	300	04 người x 1 đêm x 300 nghìn đồng	1.200	<i>NQ 64/2017/NQ-HĐND</i>

BIỂU 5: DỰ TOÁN KINH PHÍ PHỤC VỤ CHỈ ĐẠO QUẢN LÝ ĐIỀU HÀNH CHƯƠNG TRÌNH
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)

ĐVT: Nghìn đồng

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Đơn vị đề nghị	Kinh phí hỗ trợ			Ghi chú
					Đơn giá	Cơ sở tính	Thành tiền	
	Tổng cộng			350.400			68.700	
I	Chi phí hướng dẫn, điều hành, kiểm tra, quản lý dự án và chỉ đạo Chương trình.			350.400			68.700	
1	Chi làm thêm giờ	Giờ	384	24.960			-	
2	Chi quản lý chung Chương trình (Xăng dầu, tàu xe, công tác phí, thuê phòng ngủ, chi phục vụ công tác, phục vụ chuyên môn)			171.200	-	-	-	
-	Xăng dầu, tàu xe, thuê xe phục vụ đi công tác	Tháng	8	80.000			-	
-	Phụ cấp công tác phí: 06 người x 06 ngày x 8 tháng	Ngày	288	57.600			-	

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Đơn vị đề nghị	Kinh phí hỗ trợ			Ghi chú
					Đơn giá	Cơ sở tính	Thành tiền	
-	Thuê phòng ngủ phục vụ đi công tác: 06 người x 2 đêm x 08 tháng	Đêm	96	33.600			-	
3	Chi mua vật tư, văn phòng phẩm, công cụ dụng cụ, tài sản, thiết bị, thông tin liên lạc, mua sắm, sửa chữa phương tiện....			27.000			-	
4	Chi khác phục vụ hội nghị sơ kết 6 tháng đầu năm Ban chỉ đạo các Chương trình MTQG tỉnh Thanh Hóa.			68.700			68.700	
+	<i>Giới thiệu, quảng bá sản phẩm OCOP đạt sao của tỉnh với đại biểu và khách mời tham dự hội nghị sơ kết Ban chỉ đạo tỉnh năm 2021</i>	<i>Túi</i>	<i>250</i>	<i>62.500</i>	<i>250</i>	<i>250 Đại biểu x 250 nghìn/túi</i>	<i>62.500</i>	
+	<i>Hoa tươi chúc mừng các chủ thể nhận giấy chứng nhận sản phẩm OCOP đạt sao.</i>	<i>SP</i>	<i>31</i>	<i>6.200</i>	<i>200</i>	<i>31 sản phẩm x 200 nghìn đồng</i>	<i>6.200</i>	

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Đơn vị đề nghị	Kinh phí hỗ trợ			Ghi chú
					Đơn giá	Cơ sở tính	Thành tiền	
5	Chi khác: (Chi phục vụ chuyên môn, làm việc với các đoàn công tác TW và các tỉnh bạn đến tham quan, trao đổi kinh nghiệm Chong trình; tham dự hội nghị, hội thảo; quà tặng giới thiệu sản phẩm OCOP đạt sao cho đại biểu, khách mời, chi hoạt động đột xuất của tỉnh...)			58.540			-	